



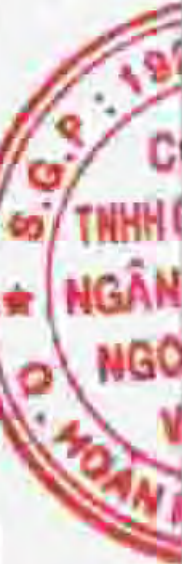
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

*(Được Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
phê duyệt ban hành theo Nghị quyết số 59/NQ-VCB-HĐQT ngày
08/03/2017)*

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017



MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1: Giải thích thuật ngữ.....	2
Điều 2: Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
Điều 4: Các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.....	6
Điều 5: Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	6
Điều 6: Mục tiêu hoạt động.....	7
Điều 7: Nguyên tắc hoạt động kinh doanh chứng khoán.....	7
Điều 8: Quyền của Công ty.....	8
Điều 9: Nghĩa vụ của Công ty.....	8
Điều 10: Các quy định về cấm và hạn chế.....	10
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ; CHỦ SỞ HỮU	12
MỤC 1: VỐN ĐIỀU LỆ	12
Điều 11: Vốn điều lệ.....	12
Điều 12: Chuyển nhượng phần vốn góp.....	12
Điều 13: Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ.....	13
MỤC 2: CHỦ SỞ HỮU; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU.....	13
Điều 14: Chủ sở hữu.....	13
Điều 15: Quyền của Chủ sở hữu.....	13
Điều 16 : Nghĩa vụ của Chủ sở hữu:	15
Điều 17: Người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu.....	15
CHƯƠNG III. QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	17
Điều 18: Bộ máy quản trị điều hành Công ty.....	17
Điều 19: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên.....	17
Điều 20: Cuộc họp Hội đồng thành viên.....	20
Điều 21: Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên	21
Điều 22: Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên.....	23
Điều 23: Biên bản họp Hội đồng thành viên.....	24
Điều 24: Chủ tịch Hội đồng thành viên.....	24
Điều 25. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro thuộc Hội đồng thành viên.....	25
Điều 26: Ban Giám đốc Công ty.....	27
Điều 27: Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc Công ty.....	29
Điều 28 : Miễn nhiệm Giám đốc.....	29
Điều 29: Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro thuộc Ban Giám đốc.....	30
Điều 30: Số lượng thành viên, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát.....	31
Điều 31: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	31
Điều 32: Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	34
Điều 33: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.....	35

Điều 34 : Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	35
CHƯƠNG IV. XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN.....	35
VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	35
Điều 35: Các tranh chấp có thể xảy ra.....	35
Điều 36. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp.....	36
Điều 37: Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận.....	36
Điều 38: Giải quyết tranh chấp nội bộ	37
Điều 39 : Chế độ báo cáo và công bố thông tin	38
CHƯƠNG V. LAO ĐỘNG	39
Điều 40: Nội quy làm việc, khen thưởng và kỷ luật.....	39
Điều 41: Thỏa ước lao động tập thể	39
CHƯƠNG VI. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN.....	39
Điều 42: Năm tài chính.....	39
Điều 43: Hệ thống kế toán.....	39
Điều 44: Kiểm toán.....	40
Điều 45: Nguyên tắc phân phối lợi nhuận	40
Điều 46: Xử lý lỗ trong kinh doanh	40
Điều 47: Trích lập các Quỹ theo quy định.....	41
CHƯƠNG VII. GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY.....	41
Điều 48 : Gia hạn thời hạn hoạt động.....	41
Điều 49: Tổ chức lại Công ty.....	41
Điều 50: Giải thể Công ty.....	41
Điều 51: Phá sản Công ty.....	42
CHƯƠNG VIII.SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	42
Điều 52: Sửa đổi và bổ sung Điều lệ	42
CHƯƠNG IX. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....	43
Điều 53: Ngày hiệu lực	43

29

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ tài chính hướng dẫn về thành lập công ty chứng khoán; Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

Các quy định của Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Phụ lục và các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “*Công ty*” là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam;
 - b. “*Chủ sở hữu*” là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23/05/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung; được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ 11 ngày 07/11/2014;
 - c. “*Địa bàn kinh doanh*” là nơi hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, pháp luật Việt Nam và Điều lệ này;
 - d. “*Vốn điều lệ*” là tổng giá trị số vốn do chủ sở hữu đã góp và được quy định tại Điều 11 Điều lệ này;
 - e. “*Luật Chứng khoán*” là Luật số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
 - g. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
 - k. “*Ngày thành lập*” là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu 24/04/2002;
 - l. “*Pháp luật*” là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này;
 - m. “*Người quản lý Công ty*” bao gồm các thành viên Hội đồng thành viên, các thành viên Ban Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;

- n. “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- i) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - ii) Công ty với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - iii) Công ty với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên;
 - iv) Cá nhân với vợ, chồng, bố, mẹ, con (bao gồm cả bố nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng/bố vợ, mẹ chồng/mẹ vợ, con dâu/con rể, bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác bố hoặc cùng bố khác mẹ), anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người này;
 - v) Công ty với cá nhân theo quy định tại điểm (iv) khoản này của người quản lý, thành viên ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty đó và ngược lại;
 - vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.
- o. “*Đơn vị trực thuộc*” là các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch thuộc Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;
- p. “*Việt Nam*” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- q. “*UBCKNN*” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- r. “*Bộ Tài chính*” là Bộ Tài chính của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2: Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty: **Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**
 - a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**
 - b. Tên tiếng Anh : **Vietcombank Securities Company Limited**
 - c. Tên giao dịch: **Công ty Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**
 - d. Tên viết tắt: **VCBS**

2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty được thành lập theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT ngày 07/01/2002 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam), là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động, quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trụ sở Công ty:

- Địa chỉ: Tầng 12 & 17, Tòa cao ốc Vietcombank, số 198 phố Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 84.4.39366990 / 84.4.39366426
- Fax : 84.4.39360262 Email: vcbs@vcbs.com.vn
- Website : www.vcbs.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

- a. Công ty có thể thành lập, đóng cửa, thay đổi địa điểm đặt chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với phê duyệt của Chủ sở hữu (nếu có) và quyết định của Hội đồng thành viên sau khi được UBCK chấp thuận;
- b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
- c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.
- d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty:
 - a. Trừ các trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm bắt đầu tính kể từ ngày thành lập.
 - b. Việc gia hạn hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động trước thời hạn do Chủ sở hữu quyết định và được thực hiện theo các quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là:
 - a. Chức danh của người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Công ty (trừ trường hợp nêu tại khoản 4, 5 và 6 của Điều này).
 - b. Quyền của người đại diện theo pháp luật: Thực hiện các quyền theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
 - c. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các tổ chức khác;
 - Thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ khác của người đại diện theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này và các quy định có liên quan của Chủ sở hữu.
3. Trường hợp Giám đốc Công ty vắng mặt ở Trụ sở chính của Công ty từ một (01) ngày làm việc trở lên thì Giám đốc Công ty phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của Giám đốc Công ty. Trong trường hợp này, Giám đốc Công ty vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà Giám đốc Công ty chưa trở lại Trụ sở chính và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Giám đốc Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Giám đốc Công ty

- trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Chủ sở hữu quyết định cử người khác làm Giám đốc Công ty.
5. Trường hợp Giám đốc Công ty vắng mặt ở Trụ sở chính từ một (01) ngày làm việc trở lên mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Giám đốc công ty (trừ trường hợp bất khả kháng), thì Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định cử một Phó giám đốc tạm thời điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty cho đến khi Giám đốc trở lại làm việc hoặc cho đến khi Chủ sở hữu quyết định cử người khác làm Giám đốc Công ty.
 6. Trường hợp Giám đốc Công ty vắng mặt ở Trụ sở chính quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Giám đốc Công ty thì Hội đồng thành viên báo cáo Chủ sở hữu, Chủ sở hữu cử người khác làm Giám đốc Công ty.
 7. Trường hợp Giám đốc Công ty bị tạm giữ, tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án tước quyền hành nghề hoặc sau khi miễn nhiệm mà chưa bổ nhiệm được Giám đốc mới thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi Chủ sở hữu bổ nhiệm được người khác vào chức danh Giám đốc Công ty.
 8. Trong một số trường hợp đặc biệt, người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Điều 4: Các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động tham gia thành lập và hoạt động trong các tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 5: Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là toàn bộ các nghiệp vụ sau:
 - a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu tại Khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ sau:
 - a. Lưu ký chứng khoán;
 - b. Tư vấn tài chính;

- c. Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư;
- d. Các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi Chủ sở hữu phê duyệt và được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 6: Mục tiêu hoạt động

1. Công ty được thành lập và hoạt động trong các ngành, nghề phù hợp với Giấy phép thành lập và hoạt động, các quy định của pháp luật nhằm mục đích tối đa hoá lợi nhuận trên cơ sở tôn trọng lợi ích khách hàng, phát triển hoạt động kinh doanh, đem lại lợi ích tối ưu cho Chủ sở hữu, đóng góp cho ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế từ các hoạt động kinh doanh, đồng thời tạo việc làm, thu nhập cho người lao động.
2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được chấp thuận.

Điều 7: Nguyên tắc hoạt động kinh doanh chứng khoán

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan;
2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực;
3. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong Công ty phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty và quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật liên quan;
4. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
5. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất trên cơ sở vì lợi ích của khách hàng và không tổn hại tới hoạt động kinh doanh của Công ty;
6. Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;
7. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

8. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
9. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật;
10. Kinh doanh phù hợp với chiến lược hoạt động và lợi ích của Chủ sở hữu;
11. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin;
12. Các nguyên tắc khác theo Quy định của Chủ sở hữu và của Công ty trong từng thời kỳ.

Điều 8: Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Tự chủ kinh doanh và quan hệ nội bộ; chủ động lựa chọn địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư;
3. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép;
4. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
5. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và giao kết hợp đồng theo quy định của pháp luật;
6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
7. Sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty phù hợp với quy định nội bộ của Công ty và Chủ sở hữu;
8. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính;
9. Sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh của Công ty. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật có liên quan, tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật;
10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9: Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:
 - a. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- b. Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - c. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - d. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
 - e. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;
 - f. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
 - g. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
 - h. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - i. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - j. Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - k. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định.
2. Nghĩa vụ đối với Chủ sở hữu:
- a. Phân định rõ trách nhiệm giữa Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu, Ban kiểm soát và Ban giám đốc để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật.
 - b. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với Chủ sở hữu để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ sở hữu.
 - c. Không được thực hiện các hành vi sau:
 - Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ phần vốn góp của Chủ sở hữu.
 - Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho Chủ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Hội đồng thành viên, các thành viên Ban giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Chủ sở hữu bổ nhiệm và người có liên quan của các đối tượng này.
 - Tạo thu nhập cho Chủ sở hữu bằng cách mua lại phần vốn góp của Chủ sở hữu dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật.
 - Xâm phạm đến các quyền của Chủ sở hữu như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.
3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:
- a. Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
 - b. Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công

- ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
- c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
 - d. Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
 - e. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;
 - f. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
 - g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
 - h. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
 - i. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
 - j. Bảo mật thông tin của khách hàng:
 - Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;
 - Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 10: Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:
 - a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ;

- b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
 - c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
 - d. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
 - e. Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
 - f. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
 - g. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - h. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
 - i. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thỏa thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;
 - j. Không được vi phạm các quy định pháp luật về quản lý an toàn tài chính trong công ty chứng khoán và hoạt động của công ty chứng khoán;
 - k. Không được vi phạm các hạn chế khác do UBCKNN và pháp luật quy định.
2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:
- a. Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:
 - Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
 - Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - Đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - b. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;

- c. Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.
 - d. Tuân thủ các quy định hạn chế, các quy định về bảo mật thông tin, các quy định về kiểm soát nội bộ và các quy định khác của Công ty phù hợp với pháp luật.
3. Quy định đối với các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc:
 - a. Thành viên Hội đồng thành viên của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
 - b. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;
 - c. Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Giám đốc Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - d. Các quy định cấm khác theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ; CHỦ SỞ HỮU

Mục 1: VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 11: Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 700.000.000.000 VND (Bảy trăm tỷ Việt Nam đồng chẵn).

Điều 12: Chuyển nhượng phần vốn góp

- 1 Công ty có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của mình sau ba (03) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 2 Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.

Điều 13: Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ theo quyết định của Chủ sở hữu nếu đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cách thức tăng vốn điều lệ của Công ty:
 - Tăng vốn góp của Chủ sở hữu;
 - Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới;
 - Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
 - Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ.
3. Việc giảm vốn điều lệ do Chủ sở hữu quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

Mục 2: CHỦ SỞ HỮU; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Điều 14: Chủ sở hữu

1. Tên gọi của Chủ sở hữu:
 - Tên tiếng Việt : **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**
 - Tên tiếng Anh : **Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam**
 - Tên giao dịch : **Vietcombank**
 - Tên viết tắt : **VCB**
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 23/5/2008.
 - Địa chỉ Trụ sở chính của Chủ sở hữu: 198 phố Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điều 15: Quyền của Chủ sở hữu

1. Quyết định nội dung, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
2. Tổ chức đánh giá và giám sát hoạt động của Công ty;
3. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch hoạt động trung và dài hạn của Công ty;
4. Phê duyệt chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

5. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo một trong các loại hình doanh nghiệp nêu tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty;
6. Quyết định các dự án đầu tư phát triển;
7. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức đối với các chức vụ thành viên Hội đồng thành viên, chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
8. Phê duyệt quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức đối với Giám đốc Chi nhánh của Công ty và các trường hợp khác phù hợp với quy định của Chủ sở hữu, quy chế quản lý cán bộ của Công ty trong từng thời kỳ;
9. Quyết định mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát;
10. Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban giám đốc và Ban kiểm soát;
11. Phê duyệt Quy chế quản lý cán bộ, Quy chế tài chính, Quy chế lao động – tiền lương, Quy chế quản lý tài sản, Quy chế đầu tư, Quy chế quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ (nếu có) và các Quy chế khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu từng thời kỳ;
12. Phê duyệt cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, bao gồm: phương án thành lập, sáp nhập, chia tách và đóng cửa/giải thể và thay đổi địa điểm các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng/ban tại Trụ sở chính của Công ty;
13. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành việc giải thể hoặc phá sản;
14. Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
15. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào doanh nghiệp khác;
16. Phê duyệt Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm; Quyết định phân phối, sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
17. Quyết định thực hiện các khoản chi (bao gồm cả mua/thuê QSD đất và/hoặc nhà làm trụ sở chính/chi nhánh, mua sắm tài sản) thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu theo phân cấp ủy quyền từng thời kỳ;
18. Quyết định bán, thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu theo phân cấp ủy quyền từng thời kỳ;

19. Quyết định các khoản vay nợ và phương án phát hành giấy tờ nợ có giá trị từ 20% trở lên so với tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
20. Quyết định xử lý các khoản tổn thất tài sản, tiền vốn thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu theo phân cấp ủy quyền từng thời kỳ;
21. Giao Hội đồng thành viên quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ phù hợp với định hướng và giải pháp công nghệ của Chủ sở hữu.
22. Giao Hội đồng thành viên quyết định lựa chọn Tổ chức kiểm toán độc lập hàng năm theo đề xuất của Giám đốc Công ty (phù hợp với danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông VCB phê duyệt);
23. Các quyền khác phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 16 : Nghĩa vụ của Chủ sở hữu:

1. Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty;
2. Tuân thủ Điều lệ này và các quy định của pháp luật;
3. Phải xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu và tài sản của Công ty;
4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Chủ sở hữu và Công ty;
5. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty;
6. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17: Người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu

1. Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo Quy chế quản lý và hoạt động của người đại diện theo ủy quyền do Chủ sở hữu ban hành;

3. Trường hợp chủ sở hữu cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu không xác định phần vốn góp cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì phần vốn góp sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
4. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau đây:
 - Đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ;
 - Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
 - Không được là vợ, chồng, cha đẻ/cha nuôi, mẹ đẻ/mẹ nuôi, con đẻ/con nuôi, anh, chị, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu với những người là đại diện của Chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Chủ sở hữu;
 - Không có quan hệ cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với Công ty được cử làm đại diện;
 - Mỗi người không được làm người đại diện tại quá ba (03) doanh nghiệp;
 - Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
5. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền:
 - Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật và của Chủ sở hữu. Mọi hạn chế của chủ sở hữu đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Hội đồng thành viên đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.
 - Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Hội đồng thành viên; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Chủ sở hữu;
 - Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

CHƯƠNG III. QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 18: Bộ máy quản trị điều hành Công ty

Bộ máy quản trị điều hành của Công ty bao gồm:

1. Hội đồng thành viên;
2. Ban Giám đốc.
3. Ban kiểm soát.

Điều 19: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu, trừ các trường hợp pháp luật và Điều lệ này quy định phải được Chủ sở hữu công ty chấp thuận; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
2. Các thành viên Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm, miễn nhiệm gồm từ 03 (ba) đến 07 (bảy) thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm. Các thành viên Hội đồng thành viên là người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu, có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 17 Điều lệ này.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên
 - a. Xây dựng quy trình triệu tập họp, bỏ phiếu, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên; xây dựng quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên với Ban kiểm soát và Ban Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác để Chủ sở hữu thông qua;
 - b. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - c. Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn trên cơ sở phê duyệt của Chủ sở hữu
 - d. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết các xung đột có thể phát sinh giữa các thành viên và Công ty. HĐTV có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này.
 - e. Trình Chủ sở hữu:



- Quyết định nội dung Điều lệ của VCBS; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VCBS;
 - Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức đối với các chức vụ thành viên Hội đồng thành viên, chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng VCBS (nếu có);
 - Quyết định thực hiện các khoản chi (bao gồm cả mua/thuê QSD đất và/hoặc nhà làm trụ sở chính/chi nhánh, mua sắm tài sản) trong kế hoạch đã được phê duyệt, thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu theo phân cấp ủy quyền từng thời kỳ;
 - Quyết định bán, thanh lý tài sản trong kế hoạch đã được phê duyệt, thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu theo phân cấp ủy quyền từng thời kỳ;
 - Quyết định các khoản vay nợ và phương án phát hành giấy tờ nợ có giá trị từ 20% trở lên so với tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Quyết định xử lý các khoản tổn thất tài sản, tiền vốn thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu theo phân cấp ủy quyền từng thời kỳ;
 - Phê duyệt Phương án tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
 - Phê duyệt Quy chế tài chính của Công ty;
 - Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên/Ban giám đốc/Ban kiểm soát;
 - Phê duyệt Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế lao động – tiền lương; Quy chế quản lý tài sản; Quy chế đầu tư; Quy chế quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ (nếu có) và các Quy chế khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu;
 - Phê duyệt Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm; quyết định phân phối, sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
 - Phê duyệt chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động trung và dài hạn; kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - Phê duyệt quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức đối với chức vụ Giám đốc chi nhánh Công ty và các trường hợp khác phù hợp với quy định của Chủ sở hữu, quy chế quản lý cán bộ của Công ty trong từng thời kỳ;
 - Phê duyệt cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, bao gồm: phương án thành lập, sáp nhập, chia tách và đóng cửa/giải thể và thay đổi địa điểm các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng/ban tại Trụ sở chính của Công ty;
- f. Cử người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với mục đích tham gia quản trị điều hành của doanh nghiệp đó;

- g. Theo phân cấp của Chủ sở hữu, quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty phù hợp với định hướng và giải pháp công nghệ của Chủ sở hữu;
- h. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách và đóng cửa/giải thể và thay đổi địa điểm các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng/ban tại Trụ sở chính của Công ty sau khi Chủ sở hữu phê duyệt;
- i. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách và đóng cửa/giải thể và thay đổi địa điểm các Phòng giao dịch theo đề nghị của Giám đốc Công ty;
- j. Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh trung và dài hạn của Công ty sau khi Chủ sở hữu phê duyệt;
- k. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức đối với chức vụ Giám đốc chi nhánh Công ty và các trường hợp khác sau khi Chủ sở hữu phê duyệt phù hợp với quy định của Chủ sở hữu, quy chế quản lý cán bộ của Công ty trong từng thời kỳ;
- l. Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên/Ban giám đốc/Ban kiểm soát của Công ty sau khi Chủ sở hữu phê duyệt;
- m. Quyết định ban hành Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế tài chính, Quy chế lao động – tiền lương; Quy chế quản lý tài sản; Quy chế đầu tư; Quy chế quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ (nếu có) và các Quy chế khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu sau khi Chủ sở hữu phê duyệt;
- n. Theo phân cấp của Chủ sở hữu, quyết định lựa chọn Tổ chức kiểm toán độc lập hàng năm theo đề xuất của Giám đốc Công ty (phù hợp với danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông VCB phê duyệt);
- o. Quyết định thực hiện các khoản chi (không bao gồm mua/thuê QSD đất và/hoặc nhà làm trụ sở chính/chi nhánh) trong kế hoạch đã được phê duyệt theo phân cấp ủy quyền của Chủ sở hữu từng thời kỳ;
- p. Quyết định bán, thanh lý tài sản trong kế hoạch đã được phê duyệt theo phân cấp ủy quyền của Chủ sở hữu từng thời kỳ;
- q. Quyết định xử lý các khoản tổn thất tài sản, tiền vốn có giá trị theo phân cấp ủy quyền của Chủ sở hữu từng thời kỳ;
- r. Phê duyệt quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Trưởng/Phó phòng tại Trụ sở chính (trừ các vị trí thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ sở hữu), Phó giám đốc Chi nhánh Công ty, Trưởng văn phòng đại diện theo đề xuất của Giám đốc Công ty;
- s. Các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với quy định của Chủ sở hữu, Điều lệ này và pháp luật.

4. Các thành viên Hội đồng thành viên phải cùng nhau chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên; thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định của Chủ sở hữu, Điều lệ này và pháp luật.

Điều 20: Cuộc họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên họp định kỳ ít nhất mỗi quý một (01) lần trong thời hạn chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý.
2. Hội đồng thành viên họp bất thường trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi:
 - a. Có yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên;
 - b. Có yêu cầu của một trong các thành viên Hội đồng thành viên;
 - c. Có kiến nghị của Giám đốc Công ty (trong trường hợp Giám đốc Công ty không đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên).
3. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc một địa điểm khác do Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định. Các cuộc họp nêu tại khoản 1 và 2 Điều này do Chủ tịch Hội đồng thành viên triệu tập và sẽ có thể mời Giám đốc Công ty tham dự (trong trường hợp Giám đốc Công ty không đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên). Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại khoản 1 hoặc theo yêu cầu/kiến nghị tại điểm b và c khoản 2 Điều này, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu/kiến nghị thì các thành viên Hội đồng thành viên còn lại có nghĩa vụ triệu tập họp Hội đồng thành viên. Trong trường hợp này, các thành viên có quyền báo cáo Chủ sở hữu về việc Chủ tịch Hội đồng thành viên không thực hiện đúng nghĩa vụ quản lý và đề nghị Chủ sở hữu giám sát việc tổ chức và tiến hành họp Hội đồng thành viên.
4. Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật đối với những thiệt hại gây ra cho Công ty và thành viên có liên quan tới Công ty trong trường hợp không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, thành viên hoặc nhóm thành viên đã yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên và được Công ty hoàn lại chi phí hợp lý cho việc triệu tập họp này.
5. Người triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại Khoản 3 Điều này chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và thông báo mời họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; họ, tên, chữ ký của thành viên hoặc người đại diện theo uỷ quyền;
- b. Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- c. Lý do kiến nghị.

Người triệu tập họp Hội đồng thành viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên. Trường hợp kiến nghị được đệ trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp đồng ý.

6. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử và gửi trực tiếp đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Chương trình và tài liệu họp được gửi cho thành viên Hội đồng thành viên chậm nhất hai (03) ngày làm việc trước khi họp. Đối với các tài liệu liên quan đến: đề xuất Chủ sở hữu quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ này; thông qua phương hướng phát triển Công ty; đề xuất tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; thông qua báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp.
7. Yêu cầu/kiến nghị triệu tập họp Hội đồng thành viên phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên;
 - b. Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết;
 - c. Dự kiến chương trình họp;
 - d. Họ, tên, chữ ký của người/những người yêu cầu/kiến nghị.
8. Trường hợp yêu cầu/kiến nghị triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho các thành viên và/hoặc Giám đốc Công ty biết trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 21: Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên dự họp.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn

mười lăm (15) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành không phụ thuộc vào số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.

3. Hội đồng thành viên thông qua chương trình và nội dung họp khi khai mạc cuộc họp. Chương trình nêu rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung họp.
4. Chủ tịch Hội đồng thành viên là Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên trong Hội đồng thành viên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu ra một (01) người trong số các thành viên, tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số quá bán hoặc trình Chủ sở hữu quyết định (nếu không thành viên nào đạt tỉ lệ quá bán). Trong trường hợp này, Chủ tọa cuộc họp có các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
5. Hội đồng thành viên thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình, các ý kiến không thống nhất của các thành viên tại cuộc họp phải được phản ánh trong biên bản. Chủ tọa công bố kết quả biểu quyết ngay trước khi bế mạc cuộc họp và các thành viên phải cùng ký xác nhận vào Biên bản cuộc họp.
6. Trong trường hợp đặc biệt, cuộc họp của Hội đồng thành viên có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng thành viên khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng thành viên tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng thành viên đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc phương tiện liên

lạc thông tin khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng thành viên tham dự cuộc họp này.

Điều 22: Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên có thể thông qua quyết định theo hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi được đa số thành viên dự họp biểu quyết đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng thành viên.
2. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - b. Thông qua phương hướng phát triển Công ty;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc;
 - d. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - e. Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
3. Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền khi có hơn 50% số thành viên dự họp hoặc được xin ý kiến bằng văn bản chấp thuận.
4. Thành viên được coi là dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
5. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, tổ chức lại Công ty, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty phải được ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên dự họp chấp thuận trước khi trình Chủ sở hữu quyết định.
6. Trong trường hợp cuộc họp được tiến hành không có sự tham gia của Chủ tịch Hội đồng thành viên mà các thành viên không đưa ra được ý kiến thống nhất thì nội dung cần biểu quyết sẽ đệ trình Chủ sở hữu để có quyết định cuối cùng.
7. Quyết định của Hội đồng thành viên có giá trị pháp lý kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, trừ những trường hợp phải được Chủ sở hữu chấp thuận.

Điều 23: Biên bản họp Hội đồng thành viên

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được lập biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.
2. Tất cả thành viên dự họp phải ký vào biên bản họp Hội đồng thành viên. Trường hợp nghị quyết Hội đồng thành viên đã được thông qua theo đúng quy định, nhưng thành viên từ chối ký biên bản họp Hội đồng thành viên thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp Hội đồng thành viên.
3. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
4. Người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

Điều 24: Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc Công ty.
3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu quyết định. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được Chủ sở hữu bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;
 - c. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
 - d. Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;
 - e. Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên;
 - f. Tổ chức đánh giá hàng năm về công tác của Hội đồng thành viên, các bộ phận trực thuộc Hội đồng thành viên và từng thành viên Hội đồng thành viên;
 - g. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này, quy chế nội bộ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên và pháp luật.

5. Trường hợp vắng mặt hoặc không đủ năng lực để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên trong Hội đồng thành viên để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Việc ủy quyền thực hiện theo nguyên tắc phân vốn đại diện từ cao xuống thấp, trường hợp có từ hai thành viên trở lên cùng đại diện phần vốn của Chủ sở hữu như nhau thì thành viên không chuyên trách là thành viên được lựa chọn để ủy quyền. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập các thành viên còn lại và bầu ra một (01) người trong số các thành viên, tạm thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số quá bán hoặc trình Chủ sở hữu quyết định (nếu không thành viên nào đạt tỉ lệ quá bán).
6. Nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên:
 - Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng thành viên và Chủ sở hữu công ty;
 - Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, nỗ lực tối đa nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và Chủ sở hữu;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Chủ tịch Hội đồng thành viên và người có liên quan làm chủ sở hữu hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
 - Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Điều 25. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro thuộc Hội đồng thành viên

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:
 - a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên;
 - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

- c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - f. Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
 - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty;
 - m. Chức năng khác do Hội đồng thành viên Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:
- a. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
 - b. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - c. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - d. Chức năng khác do Hội đồng thành viên Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:
- a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - d. Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Điều 26: Ban Giám đốc Công ty

1. Thành phần Ban Giám đốc gồm có: Giám đốc, các Phó Giám đốc.
2. Thành viên ban Giám đốc do Chủ sở hữu bổ nhiệm hoặc thuê với nhiệm kỳ theo quy định của Chủ sở hữu từng thời kỳ, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Ban Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
4. Ban Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng thành viên thông qua và trình Chủ sở hữu phê duyệt, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Giám đốc;
 - b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Giám đốc đối với Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát.
5. Giám đốc công ty là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng thành viên, chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên. Giám đốc Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên;
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu; quyết định các công tác khác thuộc phạm vi kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch mua sắm tài sản, phương án phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh đã được Chủ sở hữu phê duyệt và quyết định các vấn đề khác theo phân cấp của Hội đồng thành viên;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Xây dựng và quyết định ban hành quy chế, quy định, văn bản nội bộ của Công ty, ngoại trừ các quy chế, quy định, văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên và

- Chủ sở hữu. Việc bổ nhiệm chức danh Trưởng/Phó phòng tại Trụ sở chính, Phó Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty được thực hiện sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu (đối với các vị trí thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ sở hữu);
- f. Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;
 - g. Xây dựng và kiến nghị chiến lược phát triển Công ty từng thời kỳ, cơ cấu tổ chức của Công ty, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch mua sắm/thanh lý, phương án phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh trình Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu;
 - h. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên thông qua để Chủ sở hữu phê duyệt;
 - i. Tổ chức công tác lập Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về kế toán;
 - j. Tuyển dụng lao động;
 - k. Quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với người lao động của Công ty, ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên;
 - l. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền quyết định trực tiếp của mình;
 - m. Xây dựng và quyết định ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc; quy chế, quy trình nghiệp vụ liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (trừ các văn bản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên);
 - n. Các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định tại hợp đồng lao động ký với Công ty và quy định của pháp luật có liên quan.
6. Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc trong quá trình thực thi nhiệm vụ:
- a. Quyền lợi của thành viên Ban Giám đốc:
 - Thành viên Ban Giám đốc được quyền nhận tiền lương theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Giám đốc được trả theo Quy chế lao động tiền lương và các quy định có liên quan khác của Công ty;
 - Tiền lương của thành viên Ban Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

- b. Trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc:
- Thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật;
 - Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định của Công ty và Chủ sở hữu;
 - Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 27: Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc Công ty

1. Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.
3. Có thâm niên công tác ít nhất là ba (03) năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm.
4. Không bị UBCKNN xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng hai (02) năm gần nhất.
5. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.
6. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi hoặc anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và người đại diện phần vốn của Chủ sở hữu tại Công ty.
7. Giám đốc Công ty phải đáp ứng các điều kiện quy định đối với Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán.

Điều 28 : Miễn nhiệm Giám đốc

Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này;
2. Có đơn xin từ chức;
3. Theo quyết định của Chủ sở hữu.

Điều 29: Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro thuộc Ban Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu, quyết định của Hội đồng thành viên, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Giám đốc giao trong từng thời kỳ.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán;
 - c. Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - d. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;
 - e. Yêu cầu khác theo quy định nội bộ của Công ty.
3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:
 - a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
 - b. Xác định rủi ro của Công ty;
 - c. Đo lường rủi ro;
 - d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

Điều 30: Số lượng thành viên, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan thay mặt Chủ sở hữu kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, bao gồm việc giám sát Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Ban kiểm soát do Chủ sở hữu bổ nhiệm, số lượng thành viên Ban kiểm soát do Chủ sở hữu quy định từng thời kỳ, trong đó gồm (01) một Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát có thể chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát như sau:
 - a. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.
 - b. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
 - c. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật và VCB/VCBS.
4. Nhiệm kỳ của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo Quy định của Chủ sở hữu từng thời kỳ và thành viên Ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 31: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Thẩm quyền của Ban kiểm soát
 - a. Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu, quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
 - b. Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính Công ty;

- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình Chủ sở hữu báo cáo thẩm định;
 - d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
 - e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Chủ sở hữu; Báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho Chủ sở hữu trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng thành viên và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của công ty;
 - f. Kiến nghị Chủ sở hữu các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - g. Khi phát hiện thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên Ban Giám đốc Công ty hoặc người quản lý Công ty vi phạm pháp luật, nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, Chủ sở hữu hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định, thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - h. Đối với trường hợp thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Ban Giám đốc của Công ty vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật, Ban kiểm soát phải trực tiếp báo cáo bằng văn bản lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện ra vi phạm;
 - i. Xây dựng Quy trình kiểm soát để Chủ sở hữu thông qua;
 - j. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, quyết định của Chủ sở hữu, phù hợp với pháp luật hiện hành.
2. Quyền hạn của Ban kiểm soát:
- a. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - b. Được quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác của Công ty, được tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị nhưng không được biểu quyết;



- c. Tham khảo ý kiến của Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Chủ sở hữu công ty;
- d. Được cung cấp đầy đủ thông tin:
 - Các nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng thành viên được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng thành viên;
 - Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Công ty làm việc để thực thi nhiệm vụ của mình;
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về thực hiện quyền Chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
- e. Được nhận thù lao và hưởng các lợi ích khác:
 - Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Chủ sở hữu;
 - Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý;
 - Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan.
- 3. Trách nhiệm của Ban kiểm soát:
 - a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cân trọng, nỗ lực tối đa nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối;
 - e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 4. Nội dung và cách thức phối hợp hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát
 - a. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công công việc cho các thành

- viên Ban kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát. Giám sát, chỉ đạo và điều phối các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công.
- b. Ủy quyền cho một trong số các thành viên Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt.
 - c. Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác liên quan đến các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét và đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát có đủ thời gian trước và trong các cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận các vấn đề trong chương trình họp.
 - d. Các thành viên Ban kiểm soát (i) có trách nhiệm báo cáo trung thực, cân trọng và kịp thời cho Trưởng Ban kiểm soát khi thực hiện các công việc được phân công; (ii) có quyền yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường theo các quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.
 6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 32: Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát để Chủ sở hữu thông qua.
2. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu hai (02) lần. Biên bản họp phải được ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung họp và phải được lưu giữ theo quy định.
3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên tham dự. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự họp sẽ có một phiếu biểu quyết, nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp mà có ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác tham dự họp thì thành viên được ủy quyền có quyền thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp thành viên đó là đối tượng không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề cần biểu quyết.

Điều 33: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát và người quản lý Công ty.
3. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.
4. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của Công ty chứng khoán khác.
5. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty;
6. Các điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 34 : Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này;
2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
3. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
4. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
5. Vi phạm nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
6. Theo quyết định của Chủ sở hữu.

CHƯƠNG IV. XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 35: Các tranh chấp có thể xảy ra

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:

- a. Chủ sở hữu với Công ty;
 - b. Thành viên với Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người quản lý Công ty;
 - c. Khách hàng hoặc các đối tác khác liên quan với Công ty.
2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các thành viên/Chủ sở hữu phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 36. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thương lượng và hoà giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng thành viên hay Chủ tịch Hội đồng thành viên, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Đưa ra cơ quan giải quyết tranh chấp: Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế có thẩm quyền để giải quyết.
3. Chi phí thương lượng, hoà giải và chi phí của cơ quan giải quyết tranh chấp:
 - a. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải;
 - b. Các chi phí của cơ quan giải quyết tranh chấp (Trọng tài, Toà án) sẽ theo phán quyết của cơ quan tài phán đó.

Điều 37: Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc Công ty và Ban kiểm soát xem xét quyết định:
 - a. Chủ sở hữu và người có liên quan của Chủ sở hữu;
 - b. Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và những người có liên quan của những đối tượng này;
 - c. Người quản lý Chủ sở hữu, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý đó và những người có liên quan của những đối tượng này.

Giám đốc Công ty gửi cho Hội đồng thành viên và thành viên Ban kiểm soát; đồng thời, niêm yết tại trụ sở chính của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch đó.

2. Người ký kết hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch đó;
3. Hội đồng thành viên, Giám đốc và Ban Kiểm soát phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết, người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
4. Hợp đồng, giao dịch nêu tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
 - b. Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;
 - c. Chủ sở hữu tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được giao kết không đúng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty. Giám đốc Công ty và các bên của hợp đồng phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 38: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào khác do Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp hay các quy định pháp luật quy định, giữa các cán bộ quản lý, người lao động với nhau và/hoặc với Công ty thì các bên liên quan giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải.
2. Nếu không có quyết định hòa giải nào theo khoản 1 Điều này đạt được trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày bắt đầu quá trình hòa giải, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan có thẩm quyền. Các chi phí liên quan trong trường hợp đưa ra cơ quan có thẩm quyền sẽ do cơ quan này quyết định bên nào phải chịu.
3. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng thành viên thì việc giải quyết tranh chấp sẽ do Chủ sở hữu quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 39 : Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin
 - a. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;
 - b. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo công chúng có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho công chúng.
2. Nội dung công bố thông tin
 - a. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:
 - Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
 - b. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Hội đồng thành viên hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.
3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:
 - a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để người tiếp nhận thông tin có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình.
4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

CHƯƠNG V. LAO ĐỘNG

Điều 40: Nội quy làm việc, khen thưởng và kỷ luật

1. Người lao động của Công ty đều được xem xét khen thưởng dựa vào kết quả đánh giá nhân viên theo từng hợp đồng và/hoặc theo từng thời kỳ.
2. Người lao động có trách nhiệm tuân thủ nội quy làm việc của Công ty. Người lao động có các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, nội quy, quy chế, quy định của Công ty thì tùy theo mức độ, tính chất vi phạm bị xử lý kỷ luật theo các hình thức mà Công ty quy định, phù hợp với pháp luật.

Điều 41: Thỏa ước lao động tập thể

1. Thỏa ước lao động tập thể là văn bản thỏa thuận, giữa tập thể người lao động với đại diện là Chủ tịch Công đoàn và người sử dụng lao động với đại diện là Giám đốc Công ty, về các điều kiện lao động, sử dụng lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động, được ký kết theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và công khai.
2. Thỏa ước lao động tập thể được xây dựng tuân thủ theo quy định của bộ Luật Lao động và chi tiết theo ý kiến tham gia của người lao động. Thỏa ước lao động tập thể được sửa đổi theo từng thời kỳ phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty và được đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Người lao động của Công ty đều có quyền/trách nhiệm tuân thủ và thực hiện thỏa ước lao động tập thể nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.

CHƯƠNG VI. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 42: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch năm đó.

Điều 43: Hệ thống kế toán

1. Công ty áp dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho

công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

Điều 44: Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.
2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban chứng khoán chấp thuận. Chủ sở hữu giao cho Hội đồng thành viên quyết định lựa chọn Tổ chức kiểm toán độc lập hàng năm theo đề xuất của Giám đốc Công ty (thuộc danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông VCB phê duyệt) và phù hợp với việc lựa chọn Tổ chức kiểm toán của Chủ sở hữu. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình bày báo cáo đó cho Hội đồng thành viên trong vòng 70 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty

Điều 45: Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

1. Chủ sở hữu quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
2. Chủ sở hữu không thu hồi lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn khác.

Điều 46: Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.



Điều 47: Trích lập các Quỹ theo quy định

1. Hàng năm, sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - c. Quỹ khen thưởng và phúc lợi;
 - d. Các quỹ khác theo Quy định của pháp luật.
2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Chủ sở hữu và pháp luật hiện hành.
3. Việc chuyển một phần lợi nhuận sau thuế của Công ty về Chủ sở hữu thực hiện theo quyết định bằng văn bản của Chủ sở hữu sau khi Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII. GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 48 : Gia hạn thời hạn hoạt động

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên triệu tập họp Hội đồng thành viên ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty để thông qua biểu quyết về việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty.
2. Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ được gia hạn thêm khi được Chủ sở hữu phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thành viên.

Điều 49: Tổ chức lại Công ty

1. Công ty thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được sự phê duyệt của Chủ sở hữu và chấp thuận của UBCK.
2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 50: Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a. Hết thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ này nhưng không xin gia hạn, hoặc xin gia hạn nhưng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
 - b. Theo quyết định của Chủ sở hữu giải thể Công ty trước hạn nhưng phải được UBCK chấp thuận;
 - c. Công ty bị các cơ quan quản lý nhà nước thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Trường hợp mất khả năng thanh toán, Công ty phải thực hiện giải thể theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.
 3. Chủ sở hữu thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể, có sự giám sát của UBCKNN. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Chủ sở hữu và pháp luật.
 4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 51: Phá sản Công ty

Công ty thực hiện việc phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

CHƯƠNG VIII. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 52: Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Chủ sở hữu xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG IX. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 53: Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 9 Chương, 53 Điều, được Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam nhất trí thông qua ngày 08/03/2017 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ .
2. Điều lệ được lập thành 06 bản gốc có giá trị ngang nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng thành viên mới có giá trị.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 150/NQ-HĐQT.TKHDQT ngày 02/06/2014 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHTMCP VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
Vũ Quang Đông